

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Dầu khí Việt Nam

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Luật quy định quyền lập hội ngày 20 tháng 5 năm 1957;

Căn cứ Nghị định số 63/2022/NĐ-CP ngày 12 tháng 9 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Căn cứ Nghị định số 45/2010/NĐ-CP ngày 21 tháng 4 năm 2010 của Chính phủ quy định về tổ chức, hoạt động và quản lý hội; Nghị định số 33/2012/NĐ-CP ngày 13 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 45/2010/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội Dầu khí Việt Nam và Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều lệ (sửa đổi, bổ sung) của Hội Dầu khí Việt Nam đã được Đại hội nhiệm kỳ IV (2022 – 2027) thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại thành phố Hà Nội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chủ tịch Hội Dầu khí Việt Nam, Vụ trưởng Vụ Tổ chức phi chính phủ và Chánh Văn phòng Bộ Nội vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để b/c);
- Thứ trưởng Vũ Chiến Thắng;
- Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, TCCP, TT, TMT.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Vũ Chiến Thắng



ĐIỀU LỆ

HỘI DẦU KHÍ VIỆT NAM

*(Ban hành theo Quyết định số 837 /QĐ-BNV
ngày 25 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ)*

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Tên gọi, biểu tượng

1. Tên tiếng Việt: Hội Dầu khí Việt Nam.
2. Tên tiếng Anh: Vietnam Petroleum Association.
3. Tên viết tắt tiếng Anh: VPA.
4. Hội có biểu tượng riêng (logo) được đăng ký bản quyền theo quy định của pháp luật.

Điều 2. Tôn chỉ, mục đích

Hội Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là Hội) là tổ chức xã hội - nghề nghiệp của công dân, tổ chức Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực dầu khí hoặc liên quan đến lĩnh vực dầu khí tại Việt Nam theo quy định pháp luật tự nguyện thành lập nhằm mục đích tập hợp, đoàn kết hội viên, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Hội, hội viên, cùng giúp đỡ, hỗ trợ nhau hoạt động có hiệu quả phục vụ sự nghiệp công nghiệp hoá và hiện đại hoá góp phần phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

Điều 3. Địa vị pháp lý, trụ sở

1. Hội có tư cách pháp nhân, con dấu, tài khoản riêng; hoạt động theo quy định pháp luật Việt Nam và Điều lệ Hội được Bộ trưởng Bộ Nội vụ phê duyệt.
2. Trụ sở chính của Hội đặt tại thành phố Hà Nội.
3. Hội có thể đặt Văn phòng đại diện tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi, lĩnh vực hoạt động

1. Hội Dầu khí Việt Nam hoạt động trên phạm vi cả nước, trong lĩnh vực dầu khí hoặc có liên quan đến lĩnh vực dầu khí theo quy định của pháp luật.
2. Hội chịu sự quản lý nhà nước của Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Nguyên tắc tổ chức, hoạt động

1. Tự nguyện, tự quản.
2. Dân chủ, bình đẳng, công khai, minh bạch.
3. Tự bảo đảm kinh phí hoạt động.

4. Không vì mục đích lợi nhuận.
5. Tuân thủ Hiến pháp, pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương II **QUYỀN HẠN, NHIỆM VỤ**

Điều 6. Quyền hạn

1. Tuyên truyền tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.
2. Đại diện cho hội viên trong các quan hệ đối nội, đối ngoại gắn với nhiệm vụ, quyền hạn của Hội theo quy định pháp luật.
3. Bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của hội viên phù hợp với tôn chỉ, mục đích của Hội theo quy định của pháp luật.
4. Tham gia chương trình, dự án, đề tài nghiên cứu, tư vấn, phản biện và giám định xã hội theo đề nghị của cơ quan nhà nước; cung cấp dịch vụ về các vấn đề thuộc lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.
5. Tham gia ý kiến vào các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến nội dung hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật. Kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền đối với các vấn đề liên quan tới sự phát triển Hội và lĩnh vực Hội hoạt động. Tham gia tổ chức đào tạo, bồi dưỡng trong lĩnh vực dầu khí khi có đủ điều kiện và tổ chức hoạt động dịch vụ khác theo quy định của pháp luật.
6. Phối hợp với cơ quan, tổ chức có liên quan để thực hiện nhiệm vụ của Hội.
7. Thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật để thực hiện một số nhiệm vụ phù hợp với tôn chỉ, mục đích, lĩnh vực hoạt động của Hội.
8. Được gây quỹ Hội trên cơ sở hội phí của hội viên và các nguồn thu từ hoạt động dịch vụ theo quy định của pháp luật để tự trang trải về kinh phí hoạt động.
9. Hợp tác với các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật để trao đổi kinh nghiệm, nâng cao năng lực, tranh thủ sự giúp đỡ trong các lĩnh vực hoạt động hợp pháp của Hội. Được nhận các nguồn tài trợ hợp pháp của các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.
10. Được gia nhập các tổ chức quốc tế tương ứng và ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế theo quy định của pháp luật sau khi có ý kiến thống nhất của cấp có thẩm quyền, cơ quan quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực Hội hoạt động, cơ quan quyết định cho phép thành lập Hội về việc gia nhập tổ chức quốc tế tương ứng, ký kết, thực hiện thỏa thuận quốc tế.

Điều 7. Nhiệm vụ

1. Chấp hành các quy định của pháp luật có liên quan đến tổ chức, hoạt

động của Hội. Tổ chức, hoạt động theo Điều lệ Hội được phê duyệt. Không được lợi dụng hoạt động của Hội để làm phương hại đến an ninh quốc gia, trật tự xã hội, đạo đức, thuần phong mỹ tục, truyền thống của dân tộc, quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.

2. Chấp hành sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc tuân thủ pháp luật và thực hiện Điều lệ Hội.

3. Tập hợp, đoàn kết hội viên; tổ chức, phối hợp hoạt động giữa các hội viên vì lợi ích chung của Hội; thực hiện đúng tôn chỉ, mục đích của Hội nhằm tham gia phát triển lĩnh vực liên quan đến hoạt động của Hội, góp phần xây dựng và phát triển đất nước.

4. Phổ biến, bồi dưỡng kiến thức cho hội viên, hướng dẫn hội viên tuân thủ pháp luật, chế độ, chính sách của Nhà nước và Điều lệ, quy chế, quy định của Hội.

5. Đại diện hội viên tham gia, kiến nghị với các cơ quan có thẩm quyền về các chủ trương, chính sách liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

6. Hòa giải tranh chấp, giải quyết các kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật.

7. Xây dựng và ban hành quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội.

8. Quản lý và sử dụng các nguồn kinh phí của Hội theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định của Hội. Báo cáo quyết toán tài chính về việc tiếp nhận, sử dụng nguồn tài trợ của cá nhân, tổ chức nước ngoài (nếu có) theo quy định pháp luật gửi Bộ Nội vụ và các cơ quan liên quan.

9. Báo cáo tình hình tổ chức, hoạt động của Hội với Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và các Bộ, ngành có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, chậm nhất vào ngày 01 tháng 12 hàng năm.

10. Lập và lưu giữ tại trụ sở Hội đơn, danh sách hội viên, chi hội; hồ sơ thành lập văn phòng đại diện, các đơn vị thuộc và trực thuộc Hội; sổ sách, chứng từ tài chính, tài sản và biên bản các cuộc họp ban lãnh đạo Hội.

11. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định pháp luật.

Chương III HỘI VIÊN

Điều 8. Hội viên, tiêu chuẩn của hội viên

1. Hội viên của Hội gồm hội viên chính thức, hội viên liên kết và hội viên danh dự:

a) Hội viên chính thức: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ tiêu chuẩn theo

quy định tại khoản 2 Điều này tán thành Điều lệ Hội, tự nguyện gia nhập Hội, đóng hội phí, được Hội xem xét, công nhận là hội viên chính thức của Hội;

b) Hội viên liên kết: công dân, tổ chức Việt Nam bao gồm các doanh nghiệp liên doanh và doanh nghiệp có 100% vốn đầu tư nước ngoài hoạt động tại Việt Nam (sau đây gọi chung là doanh nghiệp có yếu tố nước ngoài) hoạt động trong lĩnh vực dầu khí hoặc liên quan đến dầu khí theo quy định của pháp luật nhưng chưa đủ điều kiện là hội viên chính thức của Hội, có đóng góp cho sự phát triển của Hội, có nguyện vọng, tự nguyện và tán thành Điều lệ, được Hội xem xét, công nhận là hội viên liên kết của Hội.

c) Hội viên danh dự: công dân, tổ chức Việt Nam không có điều kiện hoặc không đủ tiêu chuẩn trở thành hội viên chính thức của Hội nhưng có nhiều thành tích công lao đóng góp và tích cực tham gia các hoạt động của Hội, tán thành Điều lệ thì được Hội công nhận hoặc mời làm hội viên danh dự.

2. Tiêu chuẩn hội viên chính thức:

a) Hội viên cá nhân: công dân Việt Nam đủ 18 tuổi trở lên có đủ năng lực hành vi dân sự, không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, hoạt động trong lĩnh vực dầu khí hoặc có liên quan đến lĩnh vực dầu khí theo quy định pháp luật có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; có Đơn gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định);

b) Hội viên tổ chức: tổ chức có tư cách pháp nhân được thành lập theo quy định của pháp luật Việt Nam hoạt động trong lĩnh vực dầu khí hoặc có liên quan đến lĩnh vực dầu khí theo quy định pháp luật (trừ trường hợp được quy định tại điểm b khoản 1 Điều này) có điều kiện tham gia các hoạt động thường xuyên của Hội; có Đơn gia nhập Hội (theo mẫu do Hội quy định) kèm theo bản sao giấy phép thành lập, quyết định thành lập hoặc giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và có văn bản cử người đại diện;

Hội viên tổ chức cử người đại diện là công dân Việt Nam tham gia Hội phải là người có đủ thẩm quyền quyết định những vấn đề liên quan đến hoạt động của đơn vị mình phụ trách, quyền và nghĩa vụ của hội viên. Trong trường hợp ủy quyền thì người được ủy quyền phải có đủ thẩm quyền quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Khi hội viên tổ chức thay đổi người đại diện thì phải thông báo bằng văn bản cho Hội, chậm nhất không quá 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày thay đổi.

Điều 9. Quyền của hội viên

1. Được Hội bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp theo Điều lệ và quy định của pháp luật.

2. Được Hội cung cấp thông tin liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội, được tham gia các hoạt động do Hội tổ chức theo quy định của pháp luật và Điều lệ.

3. Được tham gia thảo luận, quyết định các chủ trương công tác của Hội theo quy định của Hội; được kiến nghị, đề xuất ý kiến với cơ quan có thẩm quyền về những vấn đề có liên quan đến lĩnh vực hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật.

4. Được dự Đại hội, ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành và Ban Kiểm tra theo quy định của Hội.

5. Được giới thiệu hội viên mới.

6. Được Hội khen thưởng theo quy định của Hội.

7. Được cấp thẻ hội viên (nếu có).

8. Được ra khỏi Hội khi thấy không thể tiếp tục là hội viên.

9. Hội viên liên kết, hội viên danh dự được hưởng quyền và nghĩa vụ như hội viên chính thức, trừ quyền biểu quyết các vấn đề của Hội và quyền ứng cử, đề cử, bầu cử Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội.

Điều 10. Nghĩa vụ của hội viên

1. Nghiêm chỉnh chấp hành chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; chấp hành Điều lệ, quy định của Hội.

2. Tham gia các hoạt động và sinh hoạt của Hội; đoàn kết, hợp tác với các hội viên khác để xây dựng Hội phát triển vững mạnh.

3. Bảo vệ uy tín của Hội, không được nhân danh Hội trong các quan hệ giao dịch, trừ khi được Chủ tịch, Ban Thường vụ và Ban Chấp hành phân công bằng văn bản.

4. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo theo quy định của Hội.

5. Đóng hội phí đầy đủ và đúng hạn theo quy định của Hội.

6. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp; thủ tục ra khỏi Hội

1. Thủ tục, thẩm quyền kết nạp hội viên

a) Điều kiện gia nhập Hội: công dân, tổ chức Việt Nam có đủ điều kiện theo quy định tại Điều 8 của Điều lệ này, có nguyện vọng gia nhập Hội gửi Đơn (thông qua Văn phòng Hội), kèm theo hồ sơ, gồm:

- Đối với cá nhân: Bản chứng thực Chứng minh thư nhân dân hoặc Căn cước công dân còn thời hạn; Đơn xin gia nhập Hội theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh thẻ;

- Đối với tổ chức: bản sao có chứng thực Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đối với doanh nghiệp, Quyết định thành lập đối với pháp nhân; Đơn xin gia nhập Hội của tổ chức theo mẫu do Hội quy định; 01 ảnh của người đại diện tổ chức được cử tham gia Hội.

b) Văn phòng Hội tổng hợp, báo cáo Ban Thường vụ, căn cứ quy chế làm việc, Ban Thường vụ ra quyết định kết nạp hội viên và thông báo đến Ban Chấp hành tại kỳ họp gần nhất của Ban Chấp hành;

c) Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ của tổ chức gia nhập Hội, Ban Thường vụ xem xét, quyết định việc kết nạp hội viên, hội viên đóng hội phí theo quy định và được cấp thẻ hội viên của Hội (nếu có). Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ban hành quyết định kết nạp hội viên;

d) Việc công bố hội viên mới được tiến hành tại hội nghị Ban Chấp hành, Ban Thường vụ của Hội hoặc thông báo bằng văn bản.

2. Thủ tục ra khỏi Hội:

a) Hội viên tự nguyện ra khỏi Hội làm đơn gửi Ban Thường vụ (thông qua Văn phòng). Trong vòng 15 (mười lăm) ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn và đã bàn giao hoàn tất công việc của Hội (nếu có), Ban Thường vụ xem xét, quyết định chấm dứt tư cách hội viên và thông báo bằng văn bản đến Ban Chấp hành, hội viên của Hội. Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch Hội ban hành quyết định chấm dứt tư cách hội viên.

b) Căn cứ nghị quyết của Ban Thường vụ, Chủ tịch ban hành quyết định khai trừ hội viên trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật gây hậu quả nghiêm trọng hoặc vi phạm Điều lệ và các quy định của Hội làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến uy tín, hoạt động của Hội;

- Đối với hội viên cá nhân: bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo bản án có hiệu lực thi hành của Tòa án, bị tước quyền công dân theo quy định của pháp luật;

- Đối với hội viên tổ chức: tự ngừng hoạt động, bị đình chỉ hoạt động theo quy định pháp luật;

- Không đóng hội phí đầy đủ sau khi được Hội nhắc nhở 02 lần liên tiếp bằng văn bản hoặc thư điện tử.

c) Các trường hợp đương nhiên không còn tư cách hội viên:

- Đối với hội viên cá nhân: bị mất, bị tuyên bố mất tích theo quy định pháp luật;

- Đối với hội viên tổ chức: bị phá sản, bị giải thể theo quy định pháp luật.

d) Trước khi ra khỏi Hội, hội viên phải bàn giao công việc, tài sản, tài chính mà mình phụ trách, đang thực hiện (nếu có) cho Hội;

e) Hội viên bị chấm dứt tư cách hội viên có quyền khiếu nại lên Đại hội Hội, quyết định của Đại hội là quyết định cuối cùng.

3. Ban Chấp hành ban hành Quy chế quy định cụ thể về kết nạp hội viên, cho hội viên ra khỏi Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ.

Chương IV **TỔ CHỨC, HOẠT ĐỘNG**

Điều 12. Cơ cấu tổ chức của Hội

1. Đại hội;
2. Ban Chấp hành;
3. Ban Thường vụ;
4. Ban Kiểm tra;
5. Văn phòng và các Ban chuyên môn của Hội;
6. Tổ chức có tư cách pháp nhân thuộc Hội được thành lập theo quy định của pháp luật;
7. Chi hội hoặc phân hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân thuộc Hội.

Điều 13. Đại hội

1. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường. Đại hội nhiệm kỳ được tổ chức 05 (năm) năm một lần. Đại hội bất thường được triệu tập khi có ít nhất 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Chấp hành hoặc có trên 1/2 (một phần hai) tổng số hội viên chính thức đề nghị.

2. Đại hội nhiệm kỳ hoặc Đại hội bất thường được tổ chức dưới hình thức Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu. Đại hội toàn thể hoặc Đại hội đại biểu được coi là hợp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số hội viên chính thức hoặc có trên 1/2 (một phần hai) số đại biểu chính thức có mặt.

3. Nhiệm vụ của Đại hội:

- a) Thảo luận và thông qua Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ; phương hướng, nhiệm vụ nhiệm kỳ mới của Hội;
- b) Thảo luận và thông qua Điều lệ (sửa đổi, bổ sung); đổi tên, chia, tách, sáp nhập, hợp nhất, giải thể Hội (nếu có);
- c) Thảo luận, góp ý kiến vào Báo cáo kiểm điểm của Ban Chấp hành Hội và Báo cáo tài chính của Hội;
- d) Thông qua số lượng và bầu Ban Chấp hành, Ban Kiểm tra Hội;
- e) Thảo luận và quyết định các nội dung khác vượt quá thẩm quyền của Ban Chấp hành theo quy định của Hội.
- f) Thông qua nghị quyết Đại hội.

4. Nguyên tắc biểu quyết tại Đại hội:

- a) Đại hội có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Đại hội quyết định;
- b) Các quyết định của Đại hội phải được trên 1/2 (một phần hai) đại biểu chính thức có mặt Đại hội biểu quyết thông qua, trừ trường hợp quy định tại Điều 28 của Điều lệ này.

Điều 14. Ban Chấp hành

1. Ban Chấp hành Hội do Đại hội bầu trong số các hội viên chính thức của

Hội. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Chấp hành do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Chấp hành:

a) Tổ chức triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ Hội, lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập Đại hội. Thông qua văn kiện trình Đại hội, giới thiệu nhân sự cho nhiệm kỳ mới;

c) Quyết định chương trình, kế hoạch công tác hàng năm hoặc giữa các kỳ họp Ban Chấp hành;

d) Quyết định cơ cấu tổ chức bộ máy của Hội. Ban hành Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; Quy chế quản lý, sử dụng con dấu của Hội; Quy chế khen thưởng, kỷ luật; Quy tắc đạo đức trong hoạt động của Hội; Quy định tiêu chuẩn, thủ tục và thẩm quyền kết nạp hội viên, thủ tục ra khỏi Hội và các quy định trong nội bộ Hội phù hợp với quy định của Điều lệ Hội và pháp luật;

đ) Bầu, miễn nhiệm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký, ủy viên Ban Thường vụ, bầu bổ sung hoặc thay thế ủy viên Ban Chấp hành. Trong quá trình hoạt động, Ban Chấp hành có thể xem xét bầu bổ sung thêm số lượng ủy viên Ban Chấp hành nhưng không được quá 1/5 (một phần năm) số lượng ủy viên Ban Chấp hành đã được Đại hội quyết định;

e) Trong quá trình hoạt động, khi có sự thay thế Trưởng, Phó ban hoặc bổ sung ủy viên Ban Kiểm tra thì Ban Chấp hành xem xét bầu bổ sung hoặc thay thế.

g) Trường hợp ủy viên Ban Chấp hành vắng mặt 02 (hai) kỳ họp Ban Chấp hành liên tục trở lên mà không có lý do chính đáng sẽ bị Ban Chấp hành xem xét bãi nhiệm tư cách ủy viên Ban Chấp hành. Ủy viên Ban Chấp hành bị bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc, cơ sở vật chất, tài chính cho Hội (nếu có).

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Chấp hành:

a) Ban Chấp hành hoạt động theo quy chế của Ban Chấp hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ;

b) Ban Chấp hành mỗi năm họp một lần, có thể họp bất thường khi có yêu cầu của Ban Thường vụ hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành;

c) Các cuộc họp của Ban Chấp hành là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) ủy viên Ban Chấp hành tham gia dự họp. Ban Chấp hành có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Chấp hành quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Chấp hành có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Chấp hành thông qua việc lấy ý kiến Ban Chấp hành bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Chấp hành biểu quyết tán thành.

Điều 15. Ban Thường vụ

1. Ban Thường vụ Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Chấp hành; gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng thư ký và các ủy viên. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn ủy viên Ban Thường vụ do Ban Chấp hành quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Thường vụ cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Thường vụ:

a) Giúp Ban Chấp hành triển khai thực hiện nghị quyết Đại hội, Điều lệ; tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành; lãnh đạo hoạt động của Hội giữa hai kỳ họp Ban Chấp hành;

b) Chuẩn bị nội dung và quyết định triệu tập họp Ban Chấp hành;

c) Quyết định thành lập các tổ chức, đơn vị trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành; quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn cơ cấu tổ chức; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm lãnh đạo (cấp trưởng, cấp phó) văn phòng, văn phòng đại diện (nếu có), các ban chuyên môn và pháp nhân thuộc Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

d) Kết nạp hoặc cho hội viên ra khỏi Hội; khen thưởng, kỷ luật hội viên.

3. Nguyên tắc hoạt động của Ban Thường vụ:

a) Ban Thường vụ hoạt động theo Quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

b) Ban Thường vụ họp định kỳ sáu tháng một lần. Khi cần thiết có thể họp bất thường theo yêu cầu của Chủ tịch Hội hoặc trên 1/2 (một phần hai) tổng số ủy viên Ban Thường vụ;

c) Các cuộc họp của Ban Thường vụ là họp lệ khi có trên 1/2 (một phần hai) số thành viên Ban Thường vụ tham gia dự họp. Ban Thường vụ có thể biểu quyết bằng hình thức giơ tay hoặc bỏ phiếu kín. Việc quy định hình thức biểu quyết do Ban Thường vụ quyết định;

d) Giữa hai kỳ họp, Ban Thường vụ có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Thường vụ thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử;

đ) Các nghị quyết, quyết định của Ban Thường vụ được thông qua khi có trên 1/2 (một phần hai) số ủy viên Ban Thường vụ biểu quyết tán thành.

Điều 16. Ban Kiểm tra

1. Ban Kiểm tra Hội gồm Trưởng ban, Phó ban (nếu có) và một số ủy viên do Đại hội bầu ra. Số lượng, cơ cấu, tiêu chuẩn thành viên Ban Kiểm tra do Đại hội quyết định. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm tra cùng với nhiệm kỳ Đại hội.

2. Ban Kiểm tra họp định kỳ mỗi năm một lần; có thể họp bất thường theo yêu cầu của Trưởng ban hoặc của 2/3 (hai phần ba) tổng số ủy viên Ban Kiểm tra.

3. Nhiệm vụ và quyền hạn của Ban Kiểm tra:

a) Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Điều lệ, nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ; các Quy chế của Hội trong hoạt động của các tổ chức, đơn vị thuộc Hội, hội viên;

b) Xem xét, xử lý đơn, thư phản ánh, kiến nghị, khiếu nại, tố cáo của tổ chức, hội viên và công dân gửi đến Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

4. Ban Kiểm tra hoạt động theo quy chế do Ban Chấp hành ban hành, tuân thủ quy định của pháp luật và Điều lệ Hội. Giữa hai kỳ họp, Ban Kiểm tra có thể biểu quyết hoặc quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm tra thông qua việc lấy ý kiến thành viên bằng văn bản hoặc thư điện tử.

Điều 17. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội

1. Chủ tịch Hội là người đại diện theo pháp luật của Hội, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động của Hội. Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Tiêu chuẩn Chủ tịch Hội do Ban Chấp hành Hội quy định phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Chủ tịch Hội:

a) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội;

b) Chịu trách nhiệm trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Hội về các hoạt động của Hội. Chỉ đạo, điều hành mọi hoạt động của Hội theo quy định của Điều lệ Hội; nghị quyết Đại hội; nghị quyết, quyết định của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

c) Chỉ đạo công tác chuẩn bị, triệu tập và chủ trì các phiên họp của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội;

d) Thay mặt Ban Chấp hành, Ban Thường vụ ký các văn bản của Hội, như: nghị quyết, quyết định, quy chế, quy định, quy tắc; quyết định thành lập văn phòng, các ban chuyên môn, đơn vị thuộc và trực thuộc Hội; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm cấp trưởng, cấp phó đơn vị thuộc và trực thuộc Hội và các văn bản khác của Hội;

đ) Là chủ tài khoản của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

e) Quyết định các khoản thu, chi và sử dụng tài sản của Hội trong theo quy định, quy chế về thu, chi và quản lý tài sản được Ban Chấp hành thông qua phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ;

g) Thay mặt Hội trong các công tác đối nội, đối ngoại của Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội;

h) Ký các hợp đồng với người làm việc tại Văn phòng, các ban chuyên môn thuộc Hội theo quy định của Bộ luật Lao động và Điều lệ này;

3. Khi Chủ tịch vắng mặt, việc chỉ đạo, điều hành giải quyết công việc của Hội được ủy quyền bằng văn bản cho một Phó Chủ tịch.

4. Các Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành bầu trong số các ủy viên Ban Thường vụ. Số lượng và tiêu chuẩn Phó Chủ tịch do Ban Chấp hành quy định. Phó Chủ tịch giúp Chủ tịch chỉ đạo, điều hành công tác của Hội theo sự phân công của Chủ tịch; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, trước pháp luật về lĩnh vực công việc được Chủ tịch phân công hoặc ủy quyền.

Phó Chủ tịch thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo Quy chế hoạt động của Ban Chấp hành, Ban Thường vụ phù hợp với Điều lệ Hội và quy định của pháp luật.

Điều 18. Tổng thư ký

Tổng thư ký do Ban Chấp hành bầu trong số ủy viên Ban Thường vụ, là người chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Ban Chấp hành và Ban Thường vụ trong việc quản lý điều hành hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội và có nhiệm vụ:

1. Chuẩn bị nội dung các kỳ sinh hoạt của Ban Chấp hành và Ban Thường vụ Hội; định kỳ báo cáo Chủ tịch, Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về các hoạt động của Hội; lập báo cáo hàng năm, báo cáo nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Hội;

2. Giúp Chủ tịch điều hành cụ thể các hoạt động hàng ngày của Văn phòng Hội; theo dõi hoạt động của các tổ chức thuộc và trực thuộc Hội, quản lý tài sản, tài chính của Hội.

Điều 19. Văn phòng và các ban chuyên môn

1. Văn phòng Hội là bộ phận tham mưu, giúp việc Ban Chấp hành, Ban Thường vụ và Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Tổng thư ký Hội triển khai các hoạt động của Hội. Người làm việc tại Văn phòng được tuyển dụng và làm việc theo chế độ hợp đồng theo quy định của Bộ luật Lao động và theo quy định của Hội.

a) Người làm việc tại Văn phòng Hội do Chủ tịch quyết định theo đề nghị của Tổng thư ký.

b) Người làm việc tại Văn phòng Hội được tuyển dụng vào làm việc theo chế độ hợp đồng.

2. Căn cứ yêu cầu thực tế công việc, Hội có thể thành lập các ban chuyên môn có nhiệm vụ đề xuất tham mưu cho Ban Chấp hành và Ban Thường vụ về hoạt động chuyên môn.

3. Ban Thường vụ quy định cụ thể về nhiệm vụ, nhân sự, Quy chế hoạt động của Văn phòng, các ban chuyên môn của Hội theo quy định của Điều lệ và quy định của pháp luật.

Điều 20. Tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội

1. Ban Thường vụ xem xét, quyết định việc thành lập tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội theo nghị quyết của Ban Chấp hành để thực hiện các nhiệm vụ của Hội. Hồ sơ, điều kiện, trình tự, thủ tục thành lập các tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. Hội báo cáo Bộ Nội vụ, Bộ Công Thương và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan về việc thành lập pháp nhân trực thuộc Hội theo quy định của pháp luật.

Người đứng đầu tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội chịu trách nhiệm trước pháp luật và trước Ban Chấp hành, Ban Thường vụ về mọi hoạt động của pháp nhân trực thuộc Hội.

2. Ban Thường vụ quy định việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của các tổ chức pháp nhân trực thuộc Hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

3. Việc giải thể, sáp nhập, chia, tách; quản lý và hoạt động; bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật chức danh cấp trưởng, cấp phó của tổ chức có tư cách pháp nhân trực thuộc Hội thực hiện theo quy định của pháp luật, Điều lệ Hội.

Điều 21. Chi hội hoặc Phân hội

1. Chi hội hoặc phân hội là tổ chức không có tư cách pháp nhân, con dấu được thành lập ở địa phương và ở cơ quan, tổ chức có nhiều hội viên.

2. Ban Thường vụ quy định việc thành lập, tổ chức, hoạt động, chức năng, nhiệm vụ của chi hội hoặc Phân hội phù hợp với quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương V TÀI CHÍNH VÀ TÀI SẢN

Điều 22. Tài chính của Hội

1. Nguồn thu của Hội:

- a) Lệ phí gia nhập Hội, hội phí hàng năm của hội viên;
- b) Thu từ các hoạt động của Hội theo quy định của pháp luật;
- c) Tiền tài trợ, ủng hộ của tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật;
- d) Hỗ trợ của Nhà nước gắn với nhiệm vụ được giao (nếu có);
- đ) Các khoản thu hợp pháp theo quy định của pháp luật;
- e) Các khoản đóng góp của các tổ chức thuộc Hội.

2. Các khoản chi của Hội phải bảo đảm đúng nguyên tắc, mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và đúng quy chế tài chính:

- a) Chi hoạt động thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Hội;
- b) Chi cho hoạt động quản lý (thường xuyên và chuyên môn) của Hội;
- c) Chi thuê trụ sở làm việc, mở văn phòng đại diện, mua sắm tài sản, thiết bị, phương tiện làm việc, phương tiện vận chuyển phục vụ hoạt động của Hội;
- d) Chi thực hiện chế độ, chính sách đối với những người làm việc tại Hội như: lương, thù lao, phụ cấp, công tác phí, bảo hiểm, phúc lợi cho người làm việc chuyên trách; chi bồi dưỡng cho người làm việc bán chuyên trách; chi khen thưởng, chi hợp tác quốc tế và các khoản chi khác, theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, phù hợp với khả năng tài chính của Hội và quy định của pháp luật.
- đ) Các khoản chi hợp pháp khác.

Điều 23. Tài sản của Hội

Tài sản của Hội bao gồm trụ sở, trang thiết bị, phương tiện phục vụ hoạt động của Hội. Tài sản của Hội được hình thành từ nguồn kinh phí của Hội; do

các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước hiến, tặng, tài trợ, ủng hộ, theo quy định của pháp luật.

Điều 24. Quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội

1. Tài chính, tài sản của Hội được quản lý, sử dụng theo Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội; chỉ được sử dụng cho các hoạt động của Hội. Đối với tài sản công thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công.

2. Ban Chấp hành Hội ban hành Quy chế quản lý, sử dụng tài chính, tài sản của Hội, đảm bảo nguyên tắc công khai, minh bạch, tiết kiệm phù hợp với quy định của pháp luật và tôn chỉ, mục đích hoạt động của Hội.

3. Báo cáo tài chính được thực hiện trong hội nghị Ban Chấp hành hàng năm và trong Đại hội nhiệm kỳ.

4. Tài chính, tài sản của Hội khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất và giải thể được giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VI

CHIA, TÁCH; SÁP NHẬP; HỢP NHẤT; ĐỔI TÊN VÀ GIẢI THỂ HỘI

Điều 25. Chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội

1. Việc chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; đổi tên và giải thể Hội thực hiện theo quy định của Bộ luật Dân sự, quy định của pháp luật về hội, nghị quyết Đại hội và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Khi chia, tách; sáp nhập; hợp nhất; giải thể Hội phải tiến hành kiểm kê tài sản, tài chính và giải quyết theo quy định của pháp luật.

Chương VII

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 26. Khen thưởng

1. Tổ chức thuộc, trực thuộc Hội, hội viên và cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động nghề nghiệp và công tác của Hội được Hội khen thưởng hoặc đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền khen thưởng theo quy định của pháp luật.

2. Ban Chấp hành quy định cụ thể tiêu chuẩn, hình thức, thẩm quyền, thủ tục khen thưởng trong nội bộ Hội theo quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Điều 27. Kỷ luật

1. Tổ chức thuộc, trực thuộc Hội, hội viên vi phạm pháp luật, Điều lệ, quy chế, các quy định của Hội, làm ảnh hưởng đến uy tín của Hội tùy theo mức độ sai phạm sẽ bị xem xét, thi hành kỷ luật bằng các hình thức: phê bình, khiển trách, cảnh cáo, cách chức (nếu có), xóa tên, khai trừ hoặc bị giải thể (đối với tổ

chức thuộc và trực thuộc Hội). Nếu gây thiệt hại về tài sản, tài chính thì ngoài hình thức kỷ luật còn phải bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

3. Việc giải quyết tranh chấp, khiếu nại trong nội bộ Hội theo quy định của Điều lệ Hội và pháp luật.

Ban Chấp hành quy định cụ thể trình tự, thủ tục, thẩm quyền giải quyết tranh chấp, khiếu nại, kỷ luật trong nội bộ Hội phù hợp quy định của pháp luật và Điều lệ Hội.

Chương VIII **ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 28. Sửa đổi, bổ sung Điều lệ

Chỉ có Đại hội Hội Dầu khí Việt Nam mới có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ này. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Hội phải được trên 2/3 (hai phần ba) số đại biểu chính thức có mặt tại Đại hội biểu quyết tán thành.

Điều 29. Hiệu lực thi hành

1. Điều lệ Hội Dầu khí Việt Nam gồm 08 (tám) Chương, 29 (hai mươi chín) Điều đã được Đại hội nhiệm kỳ IV Hội Dầu khí Việt Nam thông qua ngày 20 tháng 6 năm 2022 tại Hà Nội và có hiệu lực thi hành theo Quyết định phê duyệt của Bộ trưởng Bộ Nội vụ.

2. Căn cứ quy định pháp luật về hội và Điều lệ Hội, Ban Chấp hành Hội Dầu khí Việt Nam có trách nhiệm hướng dẫn và tổ chức thực hiện Điều lệ này./.